TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 17-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Bà Trần Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Trường Trung học phổ thông huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/HSST ngày 02 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 4 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu A, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn O và bà Trương Thị P; vợ: Bùi Thị L (đã ly hôn); con: Có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 285/HSST ngày 17-7-2006 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); tại Bản án số 134/HSST, ngày 25-5-2020 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm; bị tạm giam từ ngày 31-8-2024 đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phùng Văn T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2019, Nguyễn Văn T làm công nhân xây dựng ở B, Trung Quốc. Nguyễn Văn T có quen biết với người đàn ông Trung Quốc tên là

A L1, khoảng 40 tuổi (không biết rõ họ, tên, tuổi địa chỉ, không nhớ số điện thoại của A L1) sinh sống ở khu vực giáp biên giới với Việt Nam. Năm 2019, khi về thăm gia đình thì Nguyễn Văn T có gặp Phùng Văn T1 sinh năm 1983, trú tại khu A, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Qua nói chuyện, Nguyễn Văn T và Phùng Văn T1 cùng nhau bàn bạc, thống nhất mua pháo từ Trung Quốc vận chuyển về tỉnh Phú Thọ để bán kiếm lời. Phùng Văn T1 sẽ ứng tiền ra để Nguyễn Văn T mua pháo. Để có tiền mua pháo, Phùng Văn T1 nhờ em gái là Phùng Thị Q sinh năm 1986, trú tại khu A, xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ chuyển bằng tài khoản ngân hàng đến tài khoản của bà Vũ Thị H sinh năm 1987, trú tại khối A, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn số tiền 10.000.000 đồng, để đổi sang tiền Trung Quốc. Vũ Thị H đã đổi sang tiền Trung Quốc được khoảng hơn 2000 nhân dân tệ và đưa cho Phùng Văn T1. Ngày 18-10-2019, khi đang ở Trung Quốc, Nguyễn Văn T liên lạc với A L1 để đặt vấn đề mua pháo. A L1 đồng ý, Nguyễn Văn T yêu cầu A L1 phải vận chuyển pháo đến gần khu vực mốc biên giới 1154 Việt Nam - Trung Quốc. A L1 đã cho người vận chuyển số pháo đến vị trí theo yêu cầu của Nguyễn Văn T. Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 18-10-2019, Nguyễn Văn T gặp Phùng Văn T1 tại vị trí mốc 1154, T1 đưa cho T số tiền khoảng hơn 2000 Nhân dân tệ. Sau đó, Nguyễn Văn T đã đến thanh toán tiền mua pháo cho A L1. Sáng ngày 19-10-2019, Phùng Văn T1 và Nguyễn Văn T đến mốc biên giới 1154 sang địa phận Trung Quốc để vận chuyển pháo về Việt Nam. Sau khi vận chuyển pháo về Việt Nam, Nguyễn Văn T và Phùng Văn T1 đóng 03 thùng pháo giàn vào 03 bao tải dứa và 01 ba lô pháo trứng. Sau đó, sử dụng xe mô tô vận chuyển ra khu vực đường Q gần bến xe phía Bắc thuộc địa phận thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Văn T và Phùng Văn T1 đã cất giấu pháo và đưa xe mô tô vào bến xe phía Bắc gửi. Hai người thống nhất chia pháo ra để mỗi người tự vận chuyển, hẹn gặp nhau tại cây xăng B, Bắc Ninh cùng vận chuyển về tỉnh Phú Thọ tiêu thụ. Khoảng 04 giờ, ngày 20-10-2019, Nguyễn Văn T mang theo một bao tải dứa chứa 01 thùng pháo và 01 ba lô quần áo bắt xe khách chạy tuyến Lạng Sơn - M, còn Phùng Văn T1 mang theo 02 bao tải chứa pháo cùng 01 ba lô pháo đứng đợi xe khách chạy tuyến Lạng Sơn - Yên Bái. Khoảng 07 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T biết tin Phùng Văn T1 đã bị bắt cùng với số pháo mang theo. Nguyễn Văn T tiếp tục vận chuyển pháo về tỉnh Phú Thọ tiêu thụ. Nguyễn Văn T bán cho một người đàn ông lạ mặt, không quen biết, không rõ tên tuổi địa chỉ được 8.000.000 đồng và đã tiêu hết số tiền này.

Thu giữ số pháo của Phùng Văn T1, gồm: 12 giàn pháo loại 49 lỗ/giàn và 01 bao tải dứa bên trong có 01 thùng bìa cát tông đựng 06 giàn pháo loại 100 lỗ/giàn; 01 ba lô màu đen bên trong có 200 quả pháo trứng, tổng trọng lượng là 55 kilôgam.

Tại Kết luận giám định số 173/KL-PC09 ngày 23-10-2019 của Phòng K Công an tỉnh L xác định: Các mẫu vật gửi giám định đều có chứa thuốc pháo; khi đốt đều gây ra tiếng nổ.

Tại Bản án số 41/2020/HS-ST ngày 06-5-2020 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt Phùng Văn T1 06 (sáu) năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại các điểm g, k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-CL ngày 02-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại các điểm g, k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên Bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm". Đề nghị áp dụng các điểm g, k khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã được xử lý theo quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không cần phải xem xét giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận Bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Buôn bán hàng cấm" là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của người làm chứng Phùng Văn T1; vật chứng thu giữ, kết luận giám định đối với hành vi phạm tội của Phùng Văn T1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Nguyễn Văn T là người cùng Phùng Văn T1 qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc để vận chuyển 55 kilôgam pháo nổ về Việt Nam với mục đích để bán kiếm lời. Do đó, có

đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định của các điểm g, k khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý một số hàng hóa của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đủ năng lực nhận thức hành vi buôn bán hàng cấm (pháo nổ) là vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xử lý hình sự. Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo còn thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm nên tại Bản án số 134/HSST, ngày 25-5-2020 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm. Tuy nhiên, xác định đây không phải là tình tiết tái phạm trong vụ án này.

[8] Về tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng đồng phạm: Bị cáo phạm tội đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo là người khởi xướng, trực tiếp liên hệ việc mua pháo, thanh toán tiền pháo cho người Trung Quốc nên có vai trò cao hơn so với Phùng Văn T1. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với Phùng Văn T1.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Đối với số lượng pháo do bị cáo trực tiếp vận chuyển và số tiền bị cáo khai do bán pháo mà có: Do không thu được số pháo do bị cáo trực tiếp vận chuyển và không xác định được người đã mua pháo với bị cáo. Do đó, không có đủ cơ sở để xác định khối lượng pháo do bị cáo trực tiếp vận chuyển và số tiền do bị cáo bán pháo mà có. Ngoài ra, không thể chỉ căn cứ duy nhất vào lời khai nhận của bị cáo để làm căn cứ xử lý đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[12] Đối với người tên A L1: Do Cơ quan điều tra không xác định được lý lịch, địa chỉ cụ thể nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[13] Đối với Vũ Thị H, Phùng Thị Q: Do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

[14] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đã được xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không cần phải xem xét, xử lý.

[15] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo

quy định (xin miễn thì miễn).

[16] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[17] Ý kiến của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[18] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm g, k khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 293, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 31 tháng 8 năm 2024.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp